

# **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 37

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam và một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban	
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty và công ty con”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61201381/21881478/HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty và công ty con”) được lập ngày 6 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trịnh Xuân Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0754-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>289.250.564.783</b>	<b>248.689.319.795</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>110.345.444.910</b>	<b>35.685.593.416</b>
111	1. Tiền		31.845.444.910	14.435.593.416
112	2. Các khoản tương đương tiền		78.500.000.000	21.250.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>15.965.000.000</b>	<b>39.459.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.1	15.965.000.000	39.459.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>116.802.763.142</b>	<b>101.178.149.291</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	70.123.558.601	98.936.256.317
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.761.719.217	376.599.089
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	20.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	27.681.279.102	3.928.308.522
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(2.763.793.778)	(2.063.014.637)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>4.514.292.409</b>	<b>4.690.271.052</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.514.292.409	4.690.271.052
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>41.623.064.322</b>	<b>67.676.306.036</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		41.623.064.322	62.286.673.261
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	5.389.632.775
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.309.572.243.273</b>	<b>1.392.231.459.958</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>1.066.249.451.102</b>	<b>1.147.021.849.043</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.049.850.392.275	1.130.352.623.765
222	Nguyên giá		2.549.387.413.656	2.548.436.786.453
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.499.537.021.381)	(1.418.084.162.688)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	16.399.058.827	16.669.225.278
228	Nguyên giá		20.763.322.400	20.680.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.364.263.573)	(4.011.097.122)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>10.433.402.018</b>	<b>326.880.102</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	10.433.402.018	326.880.102
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>87.049.000.000</b>	<b>81.169.000.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	6.2	5.880.000.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.3	81.169.000.000	81.169.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>145.840.390.153</b>	<b>163.713.730.813</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.092.858.126	2.579.685.726
269	2. Lợi thế thương mại	14	144.747.532.027	161.134.045.087
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.598.822.808.056</b>	<b>1.640.920.779.753</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>366.087.649.637</b>	<b>495.408.364.396</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>80.087.649.637</b>	<b>121.221.154.541</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		649.925.324	20.629.307.431
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.072.350.350	2.290.958.094
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	7.287.765.948	1.743.165.800
314	4. Phải trả người lao động		10.220.194.551	6.477.863.062
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	12.323.995.910	6.158.821.773
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	8.959.571.066	39.147.250.399
320	7. Vay ngắn hạn	18	38.000.000.000	43.160.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	1.573.846.488	1.613.787.982
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>286.000.000.000</b>	<b>374.187.209.855</b>
338	1. Vay dài hạn	18	286.000.000.000	374.187.209.855
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.232.735.158.419</b>	<b>1.145.512.415.357</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>1.232.735.158.419</b>	<b>1.145.512.415.357</b>
411	1. Vốn cổ phần		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		391.826.594.454	341.805.052.940
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		210.878.493.233	215.068.435.755
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		180.948.101.221	126.736.617.185
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		205.908.563.965	168.707.362.417
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.598.822.808.056</b>	<b>1.640.920.779.753</b>

Người lập  
Nguyễn Trung Hiếu

Kế toán trưởng  
Lê Hồng Minh



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Văn Quyền

Ngày 6 tháng 3 năm 2021



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	533.010.767.002	296.912.447.278
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	533.010.767.002	296.912.447.278
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(199.598.856.338)	(124.148.506.968)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		333.411.910.664	172.763.940.310
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	11.172.040.389	30.575.994.924
22	7. Chi phí tài chính	24	(36.331.155.974)	(11.389.237.042)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(36.331.155.974)	(14.128.237.042)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	6.2	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(53.572.466.286)	(33.405.762.789)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		254.680.328.793	158.544.935.403
31	11. Thu nhập khác	26	6.278.328.180	566.868.803
32	12. Chi phí khác	26	(540.955.974)	(496.053.442)
40	13. Lợi nhuận khác	26	5.737.372.206	70.815.361
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		260.417.700.999	158.615.750.764
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(42.134.957.937)	(30.510.880.497)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		218.282.743.062	128.104.870.267
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		180.948.101.221	126.736.617.185
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		37.334.641.841	1.368.253.082
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.850	1.941
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	2.850	1.941

Người lập  
Nguyễn Trung Hiếu

Kế toán trưởng  
Lê Hồng Minh



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Văn Quyền

Ngày 6 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>260.417.700.999</b>	<b>158.615.750.764</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		99.460.395.051	53.127.998.003
03	Trích lập/(hoàn nhập) các khoản dự phòng		700.779.141	(2.444.962.114)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.382.193.389)	(30.575.994.924)
06	Chi phí lãi vay	24	36.331.155.974	14.128.237.042
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>384.527.837.776</b>	<b>192.851.028.771</b>
09	Giảm các khoản phải thu		37.957.449.240	114.728.004.923
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		175.978.643	(506.805.909)
11	Tăng các khoản phải trả		(10.709.622.691)	(4.168.977.017)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		1.486.827.600	(826.128.524)
14	Tiền lãi vay đã trả		(36.190.158.968)	(8.979.250.741)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(35.038.149.313)	(35.098.798.715)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	51.420.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.451.517.000)	(3.031.759.091)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>338.758.645.287</b>	<b>255.018.733.697</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(17.644.488.527)	(741.323.555.492)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.210.153.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(121.187.000.000)	(255.639.500.000)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		124.681.000.000	445.557.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(43.289.631.309)	(15.554.015.995)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.488.940.398	36.874.828.875
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(43.741.026.438)</b>	<b>(530.085.242.612)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		-	360.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(93.347.209.855)	(1.580.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(127.010.557.500)	(126.996.592.815)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(220.357.767.355)	231.423.407.185
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		74.659.851.494	(43.643.101.730)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		35.685.593.416	79.328.695.146
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	110.345.444.910	35.685.593.416



Người lập  
Nguyễn Trung Hiếu



Kế toán trưởng  
Lê Hồng Minh




Tổng Giám đốc  
Nguyễn Văn Quyền

Ngày 6 tháng 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam và một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 160 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 165 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một công ty con với thông tin chi tiết như sau :

<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum – công ty con	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty cũng có một công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 4 và 6.2.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng** (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và công ty con là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Như được trình bày ở Thuyết minh số 1, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một Chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và một công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh) và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

#### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

#### 3.10 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các hợp đồng mua bán điện được Công ty và công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong năm chiếm trên 97% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH**

**4.1 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum**

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch mua Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum trong năm 2019 và kết quả của giao dịch hợp nhất kinh doanh này không thay đổi so với kết quả xác định tạm thời được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.

**4.2 Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, một công ty liên kết**

Căn cứ theo Nghị quyết số 1452/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 7 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Công ty, trong năm, Công ty đã góp 5.880.000.000 VND tương ứng với 49% tỷ lệ sở hữu vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 đã trở thành công ty liên kết của Công ty. Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200899087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 11 năm 2020. Hoạt động chính trong năm của công ty này là đầu tư Dự án Thủy điện Thác Bà 2.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	755.213.195	318.928.903
Tiền gửi ngân hàng	31.090.231.715	14.066.664.513
Tiền đang chuyển	-	50.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>78.500.000.000</u>	<u>21.250.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>110.345.444.910</u></b>	<b><u>35.685.593.416</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất là 3,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 0,5%/năm tới 4,3%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	15.965.000.000	15.965.000.000	39.459.000.000	39.459.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.965.000.000</b>	<b>15.965.000.000</b>	<b>39.459.000.000</b>	<b>39.459.000.000</b>

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 9 đến 10 tháng và hưởng lãi suất từ 5,4%/năm đến 6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 6,5%/năm đến 7,4%/năm).

**6.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

*Đơn vị tính: VND*  
*Công ty Cổ phần*  
*Đầu tư Thủy điện*  
*Thác Bà 2*

<b>Giá trị đầu tư:</b>	
Số đầu năm	-
- Góp vốn (*)	5.880.000.000
Số cuối năm	5.880.000.000
 <b>Phần lợi nhuận sau thuế được hưởng trong năm:</b>	 -
 <b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	5.880.000.000

(\*) Như trình bày ở Thuyết minh số 4, trong năm 2020, Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 với số tiền là 5.880.000.000 VND tương ứng 8.465.289 cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết mà Công ty nắm giữ trong công ty này lần lượt là 49% và 40%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	0,6%	32.619.000.000	-	57.000.000.000	0,6%	32.619.000.000	-	40.380.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (ii)	5%	48.550.000.000	-	(ii)	5%	48.550.000.000	-	(ii)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>81.169.000.000</b>	<b>-</b>			<b>81.169.000.000</b>	<b>-</b>	

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch bình quân vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 12 năm 2020 là 19.000 VND/cổ phiếu.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu của khách hàng	7.849.924.677	5.409.996.682
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	3.790.965.910	4.290.969.910
- Công ty Cổ phần Thủy điện Leader Nam Tiến	1.929.428.233	-
- Phải thu của khách hàng khác	2.129.530.534	1.119.026.772
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	<u>62.273.633.924</u>	<u>93.526.259.635</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>70.123.558.601</u></b>	<b><u>98.936.256.317</u></b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.763.793.778)	(2.063.014.637)

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

<i>Bên nhận vay</i>	<i>Số tiền (VND)</i>	<i>Kỳ hạn nhận gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh – Công ty liên kết của công ty mẹ	20.000.000.000	Lãi vay được trả định kỳ 3 tháng một lần; gốc vay được thanh toán khi đáo hạn vào ngày 5 tháng 3 năm 2021	6,5%	Tín chấp

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (*)	14.349.463.900	-
Ký quỹ mở thư tín dụng	9.546.080.528	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	568.041.431	947.382.152
Phải thu tiền cổ tức	750.000.000	1.500.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	180.539.775	510.942.564
Phải thu khác	<u>2.287.153.468</u>	<u>969.983.806</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.681.279.102</u></b>	<b><u>3.928.308.522</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn với bên khác</i>	13.304.445.339	3.928.308.522
<i>Phải thu ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	14.376.833.763	-

(\*) Đây là khoản phải thu lại từ Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo các Hợp đồng mua bán điện và Hợp đồng mua bán điện sửa đổi sau đó ký kết giữa Công ty, công ty con với Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến số tiền phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã được Công ty và công ty con nộp vào ngân sách nhà nước theo Nghị định 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	4.009.565.139	-	4.041.256.079	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	415.971.228	-	583.468.623	-
Công cụ, dụng cụ	88.756.042	-	65.546.350	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.514.292.409</b>	<b>-</b>	<b>4.690.271.052</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	1.344.924.736.197	1.171.354.629.305	24.149.137.653	7.057.729.798	950.553.500	2.548.436.786.453
- Mua trong năm	-	707.050.000	1.491.164.363	-	-	2.198.214.363
- Thanh lý, nhượng bán	-	(743.104.802)	(470.527.793)	(33.954.564)	-	(1.247.587.159)
Số cuối năm	<u>1.344.924.736.197</u>	<u>1.171.318.574.503</u>	<u>25.169.774.223</u>	<u>7.023.775.234</u>	<u>950.553.500</u>	<u>2.549.387.413.656</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>13.020.671.339</i>	<i>505.546.462.302</i>	<i>11.656.082.460</i>	<i>4.687.922.311</i>	<i>150.500.000</i>	<i>535.061.638.412</i>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	498.234.587.456	899.063.305.891	14.763.878.095	5.260.363.474	762.027.772	1.418.084.162.688
- Khấu hao trong năm	40.565.565.459	40.229.725.144	1.272.254.833	514.941.139	117.959.277	82.700.445.852
- Thanh lý, nhượng bán	-	(743.104.802)	(470.527.793)	(33.954.564)	-	(1.247.587.159)
Số cuối năm	<u>538.800.152.915</u>	<u>938.549.926.233</u>	<u>15.565.605.135</u>	<u>5.741.350.049</u>	<u>879.987.049</u>	<u>1.499.537.021.381</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	<u>846.690.148.741</u>	<u>272.291.323.414</u>	<u>9.385.259.558</u>	<u>1.797.366.324</u>	<u>188.525.728</u>	<u>1.130.352.623.765</u>
Số cuối năm	<u>806.124.583.282</u>	<u>232.768.648.270</u>	<u>9.604.169.088</u>	<u>1.282.425.185</u>	<u>70.566.451</u>	<u>1.049.850.392.275</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	20.558.322.400	122.000.000	20.680.322.400
- Mua trong năm	-	160.000.000	160.000.000
- Giảm khác	-	(77.000.000)	(77.000.000)
Số cuối năm	20.558.322.400	205.000.000	20.763.322.400
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	3.927.161.638	83.935.484	4.011.097.122
- Hao mòn trong năm	411.166.452	18.999.999	430.166.451
- Giảm khác	-	(77.000.000)	(77.000.000)
Số cuối năm	4.338.328.090	25.935.483	4.364.263.573
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	16.631.160.762	38.064.516	16.669.225.278
Số cuối năm	16.219.994.310	179.064.517	16.399.058.827

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nâng cấp hệ thống DCS	9.230.801.328	-
Hệ thống kích từ, điều tốc của các tổ máy phát điện và hệ thống rơ le đường dây 110KV đến DCS	760.000.000	-
Dự án khác	442.600.690	326.880.102
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.433.402.018</b>	<b>326.880.102</b>

**14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum

<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm và số cuối năm (*)	163.865.130.597
<b>Phân bổ lũy kế:</b>	
Số đầu năm	2.731.085.510
- Phân bổ trong năm	16.386.513.060
Số cuối năm	19.117.598.570
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	161.134.045.087
Số cuối năm	144.747.532.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.2)	(3.953.792.768)	42.134.957.937	(35.038.149.313)		3.143.015.856
Thuế tài nguyên	(964.112.224)	50.943.803.064	(48.382.462.370)	-	1.597.228.470
Thuế giá trị gia tăng	(471.727.783)	30.656.830.785	(28.253.044.845)	-	1.932.058.157
Thuế thu nhập cá nhân	166.008.896	1.826.566.532	(1.864.804.122)	-	127.771.306
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	784.587.204	7.654.549.060	(7.951.444.105)	-	487.692.159
Thuế khác	792.569.700	577.764.319	(577.764.319)	(792.569.700)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(3.646.466.975)</b>	<b>133.794.471.697</b>	<b>(122.067.669.074)</b>	<b>(792.569.700)</b>	<b>7.287.765.948</b>
<i>Trong đó:</i>					
Thuế phải nộp	1.743.165.800				7.287.765.948
Thuế phải thu	(5.389.632.775)				-

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	5.289.983.307	5.148.986.301
Mua sắm tài sản cố định	4.430.799.603	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.766.288.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	836.925.000	1.009.835.472
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.323.995.910</b>	<b>6.158.821.773</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bảo vệ môi trường rừng	5.465.244.096	1.325.712.096
Thù lao hỗ trợ công tác quản lý điều hành	455.000.000	-
Cổ tức phải trả	146.891.749	157.449.249
Phải trả tiền mua cổ phần	-	37.409.631.309
Phải trả ngắn hạn khác	2.892.435.221	254.457.745
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.959.571.066</b>	<b>39.147.250.399</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số đầu năm</i>		<i>Số phát sinh trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	42.320.000.000	42.320.000.000	38.000.000.000	(42.320.000.000)	38.000.000.000	38.000.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân	840.000.000	840.000.000	-	(840.000.000)	-	-
	<b>43.160.000.000</b>	<b>43.160.000.000</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>(43.160.000.000)</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>38.000.000.000</b>
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn ngân hàng	374.187.209.855	374.187.209.855	-	(88.187.209.855)	286.000.000.000	286.000.000.000
	<b>374.187.209.855</b>	<b>374.187.209.855</b>	<b>-</b>	<b>(88.187.209.855)</b>	<b>286.000.000.000</b>	<b>286.000.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>417.347.209.855</b>	<b>417.347.209.855</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>(131.347.209.855)</b>	<b>324.000.000.000</b>	<b>324.000.000.000</b>

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng / Hợp đồng vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội</b>				
01/2019-HDDCVDADDT/NHCT106-MHP	324.000.000.000	Gốc và lãi vay trả hàng quý, đến tháng 9 năm 2026	8,85% - 9,5%	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Nhà máy thủy điện Mường Hum, tại xã Mường Hum, xã Dền Thành và xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

**TỔNG CỘNG** **324.000.000.000**

*Trong đó:*  
 Vay dài hạn đến hạn trả 38.000.000.000  
 Vay dài hạn 286.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.613.787.982	1.150.857.385
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (Thuyết minh số 20.1)	3.500.000.000	3.500.000.000
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	<u>(3.539.941.494)</u>	<u>(3.037.069.403)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.573.846.488</u></b>	<b><u>1.613.787.982</u></b>

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	635.000.000.000	250.606.435.755	-	885.606.435.755
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	126.736.617.185	1.368.253.082	128.104.870.267
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	167.339.109.335	167.339.109.335
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 19)	-	(3.500.000.000)	-	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(31.750.000.000)	-	(31.750.000.000)
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(288.000.000)	-	(288.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>635.000.000.000</u></b>	<b><u>341.805.052.940</u></b>	<b><u>168.707.362.417</u></b>	<b><u>1.145.512.415.357</u></b>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	635.000.000.000	341.805.052.940	168.707.362.417	1.145.512.415.357
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	180.948.101.221	37.334.641.841	218.282.743.062
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (Thuyết minh số 19)	-	(3.500.000.000)	-	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố (*)	-	(127.000.000.000)	-	(127.000.000.000)
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách (*)	-	(288.000.000)	-	(288.000.000)
- Giảm khác	-	(138.559.707)	(133.440.293)	(272.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>635.000.000.000</u></b>	<b><u>391.826.594.454</u></b>	<b><u>205.908.563.965</u></b>	<b><u>1.232.735.158.419</u></b>

(\*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức bằng tiền và trích thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 được thực hiện theo Nghị quyết số 429/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.500.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>-</b>	<b>63.500.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>-</b>

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Cổ đông	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E (*)	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>100%</b>

(\*) Vào ngày 13 tháng 11 năm 2020, Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh R.E.E đã chuyển nhượng toàn bộ 38.365.168 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 60,42% tại Công ty cho Công ty TNHH Năng lượng R.E.E, công ty cùng Tập đoàn. Kể từ ngày này, Công ty TNHH Năng lượng R.E.E đã trở thành công ty mẹ của Công ty.

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
<b>Cổ tức đã công bố</b>	<b>127.000.000.000</b>	<b>31.750.000.000</b>
<b>Cổ tức đã trả</b>	<b>127.010.557.500</b>	<b>126.996.592.815</b>

**20.4 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2018 đợt 2: 500 VND/cổ phiếu	-	31.750.000.000
Cổ tức cho năm 2019: 2.000 VND/cổ phiếu	127.000.000.000	-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 (*)</b>	<b>63.500.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Vào ngày 19 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền với mức chi trả 1.000 VND/cổ phiếu tại Nghị quyết số 104/NQ-TĐTB-HĐQT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.5 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

**21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	194	337

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>533.010.767.002</b>	<b>296.912.447.278</b>
Trong đó		
Doanh thu bán điện	521.492.949.330	286.108.546.023
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.517.817.672	10.803.901.255
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>533.010.767.002</b>	<b>296.912.447.278</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	11.481.454.036	10.803.901.255
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)	521.529.312.966	286.108.546.023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU** (tiếp theo)

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.122.040.389	23.325.994.924
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.050.000.000	7.250.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.172.040.389</b>	<b>30.575.994.924</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động bán điện	195.271.173.405	120.648.567.745
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.327.682.933	3.499.939.223
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>199.598.856.338</b>	<b>124.148.506.968</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36.331.155.974	14.128.237.042
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(2.739.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.331.155.974</b>	<b>11.389.237.042</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	17.085.215.417	15.040.710.897
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại	19.015.698.707	5.114.198.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.948.900.328	5.010.534.562
Chi phí khác	9.522.651.834	8.240.319.274
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.572.466.286</b>	<b>33.405.762.789</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>6.278.328.180</b>	<b>566.868.803</b>
Thu nhập do phạt vi phạm hợp đồng	3.984.405.553	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.090.153.010	-
Thu nhập khác	1.203.769.617	566.868.803
<b>Chi phí khác</b>	<b>540.955.974</b>	<b>496.053.442</b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>5.737.372.206</b>	<b>70.815.361</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.620.564.092	3.992.655.876
Chi phí nhân công	47.382.973.678	37.484.106.549
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	99.460.395.051	53.184.728.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.725.859.768	11.930.258.667
Chi phí khác	84.814.032.640	51.469.326.259
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>253.003.825.229</b>	<b>158.061.075.666</b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty con của Công ty có nghĩa vụ chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo tỉ lệ cho từng dự án nhà máy thủy điện, cụ thể như sau:

*Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Hum*

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế cho đến hết năm 2025. Dự án này cũng được giảm 50% thuế TNDN cho đến năm 2026.

*Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo*

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế đến năm 2033. Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2020 đến năm 2023) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm (từ năm 2024 đến năm 2032).

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	42.134.957.937	30.299.948.791
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	-	210.931.706
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>42.134.957.937</u></b>	<b><u>30.510.880.497</u></b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	260.417.700.999	158.615.750.764
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con	44.441.938.763	31.723.150.153
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	388.416.227	2.358.261.626
Phân bổ lợi thế thương mại	3.277.302.612	546.217.102
Chi phí không được khấu trừ khác	279.532.419	38.382.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Lỗi năm trước chuyển sang	(1.049.772.166)	(2.916.062.090)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.210.000.000)	(1.450.000.000)
Thu nhập không chịu thuế khác	(7.576.000)	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	(3.984.883.918)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>42.134.957.937</u></b>	<b><u>30.299.948.791</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	521.492.949.330	286.108.546.023
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ (đến ngày 16 tháng 11 năm 2020)	Cổ tức công bố	76.730.336.000	19.182.584.000
		Cho vay ngắn hạn	46.000.000.000	-
		Thu hồi tiền cho vay	46.000.000.000	-
		Lãi tiền cho vay	203.534.247	-
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố	38.100.000.000	9.525.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết của công ty mẹ cấp 1	Cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
		Lãi tiền cho vay	637.260.275	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết (từ ngày 31 tháng 8 năm 2020)	Doanh thu khác	36.363.636	-
		Góp vốn	5.880.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty bán hàng hóa, cho vay các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay như đã được trình bày ở thuyết minh số 8. Số dư các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)</i></b>				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	62.233.633.924	93.526.259.635
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết (từ ngày 31 tháng 8 năm 2020)	Phải thu về cung cấp dịch vụ	40.000.000	-
			<b>62.273.633.924</b>	<b>93.526.259.635</b>

***Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)***

Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	14.376.833.763	-
			<b>14.376.833.763</b>	-

Công ty và công ty con cũng có khoản cho vay bên liên quan như được trình bày tại Thuyết minh số 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc:

*Đơn vị tính: VND*

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2019)	-	72.000.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.116.000.000	1.008.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám Đốc	687.000.000	600.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám Đốc	672.000.000	587.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.691.000.000</b>	<b>2.483.000.000</b>

(\*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

**30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty và công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

*Đơn vị tính: VND*

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>180.948.101.221</b>	<b>126.736.617.185</b>
Quý khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm	-	(3.500.000.000)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)</b>	<b>180.948.101.221</b>	<b>123.236.617.185</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>63.500.000</b>	<b>63.500.000</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.850	1.941
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.850	1.941

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2019 để phản ánh khoản thực trích quý khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết về đầu tư góp vốn**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có cam kết góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 với số tiền 24.010.000.000 VND theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 20.4, vào ngày 26 tháng 2 năm 2021, Công ty đã thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 được công bố theo Nghị quyết số 104/NQ-TĐTB-HĐQT.

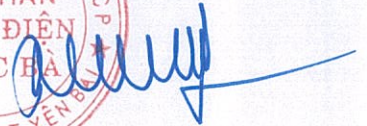
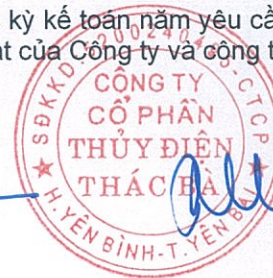
Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.



Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập



Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2021